

Giới thiệu chung về Liên minh châu Âu:

1. Quá trình hình thành và phát triển:

- 1952: thành lập cộng đồng than thép châu Âu
- 1957: 6 nước thành lập cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC): Pháp, Tây Đức, Bỉ, Hà Lan, Ý, Lucxambua
- 1967: đổi thành cộng đồng châu Âu (EC).
- 1986: lá cờ của EC được sử dụng
- 1/1/1993: thành lập liên minh châu Âu EU sau khi kết nạp thêm 9 nước thành viên => có 15 thành viên.
- 1/1/1999: bắt đầu cho ra đời đồng tiền chung Châu Âu
- 2002: đồng tiền chung châu Âu được sử dụng
- 2004: kết nạp thêm 10 thành viên mới => 25 nước thành viên
- 1/1/2007: kết nạp thêm 2 thành viên => 27 thành viên

*** Các giai đoạn hình thành và phát triển:**

- 1957 – 1992: giai đoạn hình thành và phát triển trở thành thị trường chung vào năm 1992.
- + 1957 – 1970: là giai đoạn hình thành và phát triển ổn định, giữa các nước thành viên của cộng đồng kinh tế châu Âu đã hoàn thành mục tiêu xây dựng khu vực mậu dịch tự do.
- + 1971 – 1992: là giai đoạn khắc phục sự trì trệ trong phát triển kinh tế và hoàn thành việc xây dựng thị trường chung.
- 1993 – nay: là giai đoạn phát triển và mở rộng

2. Tiêu chuẩn đối với các quốc gia khi gia nhập EU:

Trước khi gia nhập EU tình hình kinh tế của nước thành viên trong 1 năm trước khi được kết nạp phải đảm bảo các điều kiện sau:

- mức lạm phát (f) $\leq 1,5\%$ + f bình quân của 3 quốc gia thành viên có f min
- mức lãi suất (s) $\leq 2\%$ + s bình quân của 3 quốc gia thành viên có mức lãi suất dài hạn thấp nhất
- nợ chính phủ $\leq 60\%$ GDP
- mức thâm hụt ngân sách chính phủ $\leq 3\%$ GDP
- chế độ TGHĐ AD phải theo quy định của hệ thống tiền tệ châu Âu (EMS)

Câu 1: Nội dung chủ yếu của chính sách TMQT của EU? Những điểm cần lưu ý đối với DNVN khi XK hàng hóa sang EU.

CSTM của EU gồm 2 phần:

- CSTM tự trị được AD để quản lý và điều tiết các hoạt động thương mại trong nội bộ khối.
- CSTM dựa trên cơ sở hiệp định (CSTMQT) được AD để quản lý và điều tiết các hoạt động TM đối với các nước ngoài khối.

1.1. Các nguyên tắc chi phối CSTMQT: CSTMQT của EU được AD về cơ bản dựa trên các nguyên tắc của WTO.

- Nguyên tắc có đi có lại, không phân biệt đối xử
- Nguyên tắc đảm bảo tính minh bạch
- Nguyên tắc đảm bảo cơ hội tiếp cận thị trường

1.2. Đặc trưng của chính sách:

- Bảo hộ đối với nền sản xuất NN. Vì NN đóng góp tỷ trọng tương đối lớn; An toàn với người tiêu dùng.
- Bảo vệ người tiêu dùng
- Bảo vệ môi trường

1.3. Các công cụ, biện pháp chủ yếu:

- Quy định về hải quan: thuế quan, GSP, quy tắc xuất xứ, thuế gián tiếp
- Rào cản kỹ thuật trong TM
- Hạn ngạch

- Các biện pháp hỗ trợ XK
- Hạn chế xuất khẩu tự nguyện
- Áp dụng CS chống bán phá giá

Hiện nay, EU đang thực hiện quá trình mở rộng và phát triển quan hệ TM hàng hóa. Do đó rất chú trọng thực hiện cs tự do hóa TM, cụ thể là công cụ thuế quan, hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) và hạn ngạch từng bước được cắt giảm.

1.3.1. Các quy định về thủ tục hải quan

EU sử dụng thủ tục hải quan đồng nhất và sử dụng giấy phép NK.

a. Thuế quan:

- Đối tượng AD: AD đối với tất cả các HH NK vào EU. Hiện nay EU AD biểu thuế quan chung thống nhất đối với HH NK từ các nước không phải là thành viên EU.
- Hình thức của biểu thuế quan: trình bày theo 3 cột
 - + Cột 1: quy định mức thuế quan AD đối với các nước được hưởng quy chế TM bình thường.
 - + Cột 2: quy định mức thuế quan AD đối với các nước đơn thuần được hưởng GSP.
 - + Cột 3: quy định mức thuế quan AD với các nước được hưởng GSP kèm theo các điều kiện ưu đãi được ghi trong các hiệp định TM riêng.
- Mức thuế AD:
 - + Mức thuế trung bình: đối với hàng nông sản là 18%, hàng công nghiệp là 2 %.
 - + Mức thuế cao nhất và thấp nhất: hàng nông sản là 470% - 0%, hàng công nghiệp là 36,6% - 0%.

b. Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập GSP:

- Đối tượng AD: đối với các nước đang phát triển và có điều kiện sx chưa đảm bảo sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.
- Mức ưu đãi AD: Từ 1-1-2006 EU áp dụng hệ thống GSP mới đối với 143 quốc gia và 36 vùng lãnh thổ trên TG. Hệ thống GSP mới có chế độ phân loại hàng hóa đơn giản hơn từ 4 nhóm hàng còn 2 nhóm hàng.
 - + Nhóm hàng nhạy cảm: có 2 cách tính
 - Tính theo thuế trị giá (thuế quan theo giá trị): được giảm 30% điểm (điểm thuế được AD)
 - Tính thuế theo khối lượng (thuế tuyệt đối, thuế đặc định): được giảm 3,5% điểm
 - + Nhóm hàng không nhạy cảm được miễn thuế hoàn toàn

c. Quy tắc xuất xứ:

- Quy tắc xuất xứ ưu đãi: được ghi trong các hiệp định TM tự do song phương và AD với các nước được hưởng GSP.
 - + EU đưa ra các quy định rất khắt khe về việc kiểm soát các nước được AD quy tắc xuất xứ ưu đãi.
 - + Các quốc gia NK HH vào thị trường này được AD quy tắc “xuất xứ gộp” (cộng dồn tất cả các đầu vào N từ các khối hợp tác).
 - + Quy tắc này còn được xem xét AD với các nước tích cực triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống hoạt động sx và buôn bán ma túy, và các nước đang triển khai các biện pháp để AD các quy định theo tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội (SA8000) đối với người lao động.
- Quy tắc xuất xứ không ưu đãi: được ghi trong Luật thuế của EU, các quốc gia NK HH vào EU chịu sự kiểm soát của quy tắc xuất xứ này, sẽ phải trải qua tất cả các kiểm soát bởi các công cụ biện pháp của CSTMQT.

Tất cả các HH NK vào EU đều phải có giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) do cơ quan hải quan của EU cấp; hoặc do cơ quan quản lý có thẩm quyền ở nước XK cấp nếu như nước XK được công nhận là có những quy định tương đồng như của EU.

d. Thuế gián tiếp:

AD đối với tất cả HH NK vào EU gồm 2 loại:

- Thuế VAT: áp dụng đối với các sản phẩm thiết yếu với mức thuế thấp hơn và các sản phẩm xa xỉ có mức thuế cao hơn.

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: mức thuế được AD tùy theo tác động của sản phẩm đối với người tiêu dùng, môi trường.

1.3.2. Rào cản kỹ thuật trong TM:

Trong cs TMQT của EU được xây dựng và thực hiện dựa trên khung pháp lý quốc tế là hiệp định TBT của WTO (Technical Barriers to Trade).

Mục tiêu của hiệp định nhằm hạn chế sự ảnh hưởng của các rào cản kỹ thuật đối với quan hệ TM giữa các quốc gia.

Các nguyên tắc của hiệp định:

- Không phân biệt đối xử.
- Đảm bảo tính vừa đủ, tức là các quốc gia không được phép áp dụng 1 cách thái quá các rào cản kỹ thuật để hạn chế các dòng trao đổi TM.
- Đảm bảo tính hài hòa dựa trên cơ sở tiêu chuẩn chung quốc tế tương đương để xây dựng và thực hiện các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật của từng quốc gia.
- Đảm bảo tính minh bạch (các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật phải được công bố phổ biến cho đối tượng liên quan và xã hội nói chung nắm bắt được).

Các rào cản trong cs quản lý NK bao gồm:

- Quy định về sức khỏe và an toàn
- Quy định về môi trường
- Quy định về trách nhiệm xã hội
- Quy định về tiêu chuẩn chất lượng

a. Quy định về sức khỏe và an toàn: được thực hiện nhằm 1 mục tiêu yêu cầu các nước XK chỉ được phép đưa vào thị trường EU những sản phẩm thực sự an toàn đối với sức khỏe người tiêu dùng và đối với môi trường sinh thái.

* *Đối với nhóm hàng công nghiệp* như: các loại máy móc thiết bị, dây chuyền sx, phương tiện GTVT, sản phẩm điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng,...

Nhóm sản phẩm này chỉ được NK vào EU khi có GCN CE công nhận về sự an toàn đối với môi trường và sức khỏe người tiêu dùng.

HH được cấp GCN CE theo tiêu chuẩn EU được phân thành 8 nhóm sản phẩm khác nhau kí hiệu từ A đến H, trong đó A là nhóm sản phẩm ít rủi ro nhất, H là nhóm sản phẩm rủi ro cao nhất.

* *Đối với nhóm hàng thực phẩm và nông sản:*

- Khi NK vào EU phải tuân thủ quy định của Luật thực phẩm của EU.
- Các sản phẩm thực phẩm và nông sản đều phải tuân thủ tiêu chuẩn HACCP (hệ thống phân tích điểm kiểm soát tới hạn trọng yếu) kiểm soát các tiêu chuẩn bao gồm:
 - + Hàm lượng các chất có hại và các yếu tố có nguy cơ gây nguy hiểm cho sức khỏe người tiêu dùng có trong nguyên liệu và trong sản phẩm.
 - + Tiêu chuẩn về môi trường an toàn trong việc cung cấp nguyên liệu đầu vào và chế biến sản phẩm.
 - + Tiêu chuẩn về sức khỏe bảo đảm đối với người lao động trực tiếp tham gia vào quá trình chế biến sản phẩm.
- + Đưa ra các biện pháp phòng ngừa nguy cơ dẫn đến việc vi phạm các tiêu chuẩn đối với quá trình sx và bảo quản sản phẩm, sự an toàn đối với người tiêu dùng, tăng uy tín của DNXX.
- > Ngoài ra đối với mặt hàng nông sản, EU còn kiểm soát bởi 2 hệ thống tiêu chuẩn trực tiếp:
 - + HTTC về nền nông nghiệp hữu cơ: hạn chế việc sử dụng hóa chất trong quá trình sx, chế biến. Cấm hàng nông sản sử dụng công nghệ biến đổi gen. Khuyến khích việc sử dụng các loại phân bón và thuốc phòng chữa bệnh AD theo công nghệ sinh học.
 - + HTTC về thực tiễn nông nghiệp tốt (GAP): thực tiễn EU AD tiêu chuẩn EURO GAP: dùng để kiểm soát các quy định về qy trình sx, thu hoạch sản phẩm, quá trình bảo quản chế biến sản phẩm, hàm đáp ứng các tiêu chí về bảo vệ môi trường an toàn cho người sx, an toàn cho người sử dụng.

b. Quy định về trách nhiệm xã hội (hệ thống tiêu chuẩn SA8000):

HTTC này được AD đối với tất cả các quốc gia trên thế giới đặc biệt là tại các nước phát triển.

- Cơ sở pháp lý:

+ Vấn đề nhân quyền theo quy định của LHQ.

+ Vấn đề quyền trẻ em theo UNICEF

+ Quy định về việc đảm bảo điều kiện làm việc và chế độ phúc lợi đối với người lao động của tổ chức lao động quốc tế (ILO).

- Các quy định cơ bản trong việc AD SA 8000 tại EU:

Đối với tất cả HH NK vào EU đặc biệt là những HH sx sử dụng nhiều lao động thì Ủy ban TM EU đưa ra các quy định bao gồm:

+ Cấm NK đối với những HH có sử dụng lao động trẻ em, tù nhân, người quá tuổi lao động

+ AD các biện pháp để hạn chế NK đối với những trường hợp vi phạm quy định về việc đảm bảo điều kiện làm việc và chế độ phúc lợi cho người lao động. VD: AD thuế Nk trừng phạt, AD cơ chế giám sát trực tiếp...

- Hiện nay SA8000 của EU được AD đối với 22 ngành nghề sx với 30 quốc gia đối tác TM.

- GCN về việc phù hợp theo các quy định của SA8000 có giá trị trong vòng 3 năm và UBTMEU cho phép công nhận các tiêu chuẩn mang tính tương đồng được AD tại nước XK.

c. Quy định về bảo vệ môi trường:

- Các quy định về bảo vệ môi trường được kiểm soát tại EU nhằm đảm bảo các sản phẩm tiêu thụ tại EU đều có đặc tính thân thiện môi trường đặc biệt là các sản phẩm NK.

- Các quy định bảo vệ môi trường được kiểm soát theo 2 hệ thống:

ISO 14000 và ISO 14001

HTTC kiểm soát trong việc dán nhãn sinh thái: nhãn sinh thái chung của EU, nhãn sinh thái quốc gia, nhãn sinh thái đối với sản phẩm.

d. Quy định về chất lượng sản phẩm:

Tiêu chuẩn ISO 9000: 2000

Việc đáp ứng các quy định về chất lượng sản phẩm không mang tính bắt buộc đối với HH NK vào EU tuy nhiên những HH đã được chứng nhận về việc đáp ứng các tiêu chuẩn theo hệ thống ISO 9000 sẽ có điều kiện thuận lợi hơn khi tiêu thụ ở EU trong việc tạo lòng tin với khách hàng, xây dựng và củng cố uy tín cho DN, đồng thời sẽ chịu sự kiểm soát bởi các HTTC khác theo quy định của thị trường này.

1.3.3. Hạn ngạch:

Được AD theo xu hướng giảm dần đối với các sản phẩm NK vào EU. Hiện nay công cụ này được AD chủ yếu đối với mặt hàng cà phê (vì đây là sản phẩm ảnh hưởng rất lớn đến người tiêu dùng EU).

1.3.4. Chính sách chống bán phá giá:

a. Căn cứ thực hiện:

- Hàng NK vào EU được bán với mức giá thấp hơn so với giá bán ở thị trường nội địa nước XK.

- Các nhà sx nội địa của EU phát đơn kiện đối với hiện tượng bán phá giá của hàng NK.

b. Tổ chức thực hiện điều tra và đưa ra kết luận về hiện tượng bán phá giá đối với hàng NK:

- Sau khi xác minh bước đầu tại EU về hiện tượng bán phá giá của hàng NK, UBTMEU sẽ thành lập 1 tổ chức thực hiện nhiệm vụ điều tra hiện tượng bán phá giá liên quan đến quá trình tổ chức sx, cách thức hạch toán chi phí, việc thực hiện các chính sách điều tiết tại nước XK và nước tham chiếu (nếu nước XK chưa được công nhận là có nền KTTT).

- Việc thực hiện điều tra diễn ra trong khoảng 10 tháng, sau đó tổ chức sẽ đưa ra kết luận chính thức về việc bán phá giá hàng NK tại EU và học sẽ đề ra các biện pháp trừng phạt nếu như hiện tượng bán phá giá là đúng sự thật và dựa trên mức độ gây thiệt hại đối với các nhà sx nội địa tại EU theo 3 tiêu chí: thiệt hại về công suất sx, thị phần, lợi nhuận.

c. Các biện pháp trừng phạt:

- Cấm NK

- AD thuế Nk chống bán phá giá và hạn ngạch NK

=> Ngoài các biện pháp trên HH NK vào EU còn có thể bị quản lý bằng biện pháp XK hạn chế tự nguyện đặc biệt là đối với các đối tác TM lớn (HKì, NB, TQ) đối với mặt hàng nông sản, dệt may, ô tô...

1.3.5. Chính sách trợ cấp đối với XK:

Hiện nay EU vẫn chủ yếu AD biện pháp “ứng vốn trước” và chủ yếu đối với hàng nông sản Xk bằng nguồn vốn từ ngân sách nông nghiệp

Vốn ứng trước= giá XK – giá bán ở EU

*** Những lưu ý đối với doanh nghiệp VN khi xk sang thị trường EU**

EU là một thị trường phát triển ở trình độ cao nên đòi hỏi của người tiêu dùng đối với hàng hóa nhập khẩu rất khắt khe. Tại đây, giá cả hàng hóa và dịch vụ không phải là yếu tố được quan tâm nhiều, mà yêu cầu trước hết là chất lượng, mẫu mã, những tiêu chuẩn liên quan đến bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Giờ đây, trên thị trường tất cả các nước thành viên EU, mọi hàng hóa nhập khẩu thường phải được kiểm tra ngay từ khâu sản xuất tại nước xuất xứ nhằm bảo đảm cho sp làm ra đáp ứng được những tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu. Thông thường, người tiêu dùng thích tìm mua những sản phẩm có thương hiệu nổi tiếng thế giới, phần đông người tiêu dùng thích tìm mua những sản phẩm làm từ chất liệu tự nhiên, có kiểu dáng và mẫu mã thay đổi nhanh, có phương thức phục vụ tốt và đặc biệt là có dịch vụ hậu mãi chu đáo.

Do đó, các doanh nghiệp VN cần hải quan tâm đầu tư cải thiện qui trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường nghiên cứu thị trường. Để đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật của EU. Chất lượng hàng hóa và việc tuân thủ đúng mọi điều đã cam kết là yếu tố thể hiện sự thiện chí và tính nghiêm túc của doanh nghiệp. các doanh nghiệp phải tìm hiểu về tập quán kinh doanh và thị hiếu người tiêu dùng.

Câu 2: Nguyên tắc và nội dung chủ yếu của CS đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của EU.

2.1. Các nguyên tắc:

- Giảm rủi ro trong hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài thông qua việc xây dựng khung pháp lý chung về FDI tiến tới xây dựng 1 đạo luật chung về FDI toàn cầu.
- Tạo sân chơi bình đẳng giữa nước chủ đầu tư và nước tiếp nhận
- Tôn trọng mối quan tâm của chủ đầu tư và nước tiếp nhận
- Không áp đặt việc thực hiện tự do hóa đầu tư
- Thực hiện giải quyết tranh chấp trong đầu tư theo nguyên tắc của WTO (chẳng hạn như nguyên tắc không phân biệt đối xử, đảm bảo tính minh bạch)

2.2. Nội dung chủ yếu:

2.2.1. Cung cấp thông tin và hỗ trợ kỹ thuật:

a. Cung cấp thông tin:

Các cơ quan chức năng của EU tiến hành thu thập, phổ biến và cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư những thông tin cơ bản về thị trường nước tiếp nhận đầu tư:

- Môi trường luật pháp và chính sách:

+ Luật pháp: Luật đầu tư nước ngoài, Luật KD, Luật lao động, Luật sở hữu trí tuệ, Luật đất đai, Luật khai thác sử dụng tài nguyên.

+ Chính sách: Thuế, tín dụng, TMQT

- Môi trường kinh tế vĩ mô: về lạm phát, lãi suất, tỷ giá, tốc độ tăng trưởng kinh tế

- Môi trường chính trị: thể chế chính trị, đảo chính, đình công, bãi công

- Môi trường xã hội: HDI, tệ nạn xã hội, văn hóa, tôn giáo

- Các điều kiện về ngành và lĩnh vực đầu tư: ngành nào cho phép đầu tư, tình hình của từng ngành

=> Hoạt động cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của EU thường được gắn liền với việc triển khai các chương trình và kế hoạch đầu tư theo từng khu vực cụ thể.

Ví dụ: EU đã tiến hành xây dựng và thực hiện chương trình đầu tư đối với khu vực châu Á trong đó có Vn với các hoạt động cụ thể bao gồm:

- + Tiến hành khảo sát điều tra thông tin về môi trường đầu tư tại các nước trong khu vực châu Á.
- + Tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị giới thiệu về cơ hội đầu tư tại các nước châu Á đặc biệt là giới thiệu về các dự án trọng điểm mà chính phủ các nước trong khu vực châu Á khuyến khích thực hiện.
- + Giới thiệu thông tin về môi trường đầu tư thông qua sách, báo cáo.

b. Hỗ trợ kỹ thuật:

Các cơ quan chức năng đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của EU thường thực hiện hỗ trợ hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo 3 biện pháp cơ bản sau:

- Hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức, quản lý, thu hút và sử dụng vốn FDI của chính phủ nước tiếp nhận.
- Hỗ trợ cho các nhà đầu tư của EU đặc biệt là các nhà đầu tư có quy mô vừa và nhỏ thực hiện đầu tư ra nước ngoài thông qua việc thành lập các hiệp hội. VD: Hiệp hội các nhà đầu tư EU theo các khu vực thị trường.
- Thực hiện các chương trình hỗ trợ đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn về kế toán, marketing, công nghệ thông tin nhằm góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại nước tiếp nhận.

2.2.2. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ:

- EU hỗ trợ cho nước tiếp nhận trong việc xây dựng và thực hiện các chương trình, nâng cao khả năng tiếp thu công nghệ từ EU và sử dụng công nghệ mới đặc biệt là cấp chính phủ.
- EU đưa ra quy định đối với việc chuyển giao công nghệ liên quan đến vấn đề an ninh cạnh tranh kinh tế nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình chuyển giao công nghệ ra nước ngoài.

2.2.3. Hỗ trợ về tài chính:

EU chủ yếu thực hiện hỗ trợ cho nhà đầu tư ra nước ngoài là tài chính thông qua hình thức cho vay, mua cổ phần dự án đầu tư ở nước ngoài và thông qua các chương trình hỗ trợ bảo hiểm đầu tư, trước hết là với các công ty liên doanh ở nước ngoài và các công ty vừa và nhỏ đầu tư ra nước ngoài.

Câu 3: Những thành công và hạn chế của Việt Nam khi xuất khẩu hàng hóa sang EU và giải pháp khắc phục.

*** Thành công:**

- Kim ngạch xuất khẩu Việt Nam vào EU tăng với tốc độ bình quân khá cao, trung bình gần 40%/năm. Giai đoạn 2000 - 2009, VN xuất khẩu sang EU 50,4 tỷ USD và nhập từ EU 26,1 tỷ USD. 9 tháng năm 2010, Việt Nam xuất khẩu 7,8 tỷ USD vào EU, tăng 13% so với cùng kỳ. EU vẫn duy trì ở vị trí thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của VN sau Mỹ.
- VN đã phát huy được lợi thế so sánh của mình trong việc tập trung XK một số mặt hàng có thế mạnh vào thị trường các nước EU như: dệt may, giày dép, cà phê, chè, hải sản, thủ công mỹ nghệ.
- Việc khai thông thị trường EU đã đòi hỏi VN phải phát triển cơ sở vật chất và năng lực của một số ngành trong nông nghiệp, trong các lĩnh vực như: chế biến điều, rau quả, cao su, cà phê, thực phẩm... Riêng với ngành thủy sản đã làm chuyển biến đáng kể năng lực khai thác, nuôi trồng vào năng lực hậu cần, dịch vụ, làm chuyển đổi nhanh chóng cơ cấu kinh tế vùng biển.
- Sự phát triển về XK đối với một số mặt hàng nông nghiệp như cà phê, điều, chè, hàng công nghệ phẩm như may mặc, giày dép đã tạo ra cho sự chuyển đổi nhanh chóng về chất lượng sản phẩm, mẫu mã và sự đổi mới không ngừng về sản phẩm làm ra. Vai trò của ngành dệt may, giày dép, thủy hải sản đã góp phần không nhỏ trong việc giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.
- Nhờ đẩy mạnh XK hàng công nghiệp mà tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngày càng nhanh, đặc biệt là sự thay đổi lớn trong cơ cấu công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ.

*** Hạn chế:**

- Hàng XK Việt Nam còn nghèo nàn về chủng loại và chất lượng chưa đạt độ đồng đều.
- Các DNVN còn non nớt trong kinh nghiệm thương trường, thậm chí còn bỡ ngỡ với thị trường châu Âu. Không nắm bắt được cơ hội, kém hiểu biết luật lệ của thị trường EU, thiếu thông tin, chưa biết tiếp cận thị

trường, làm ăn tùy tiện, manh mún với một phong cách chưa phù hợp với truyền thống và tập quán kinh doanh của châu Âu.

- Môi trường đầu tư (Cơ sở hạ tầng và hệ thống pháp luật) và môi trường thương mại (Cơ chế, chính sách và thủ tục xuất nhập khẩu) ở VN vẫn chưa thực sự thu hút và hấp dẫn mạnh mẽ các doanh nghiệp EU vào đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

- Quy mô xuất khẩu của Việt Nam sang EU còn quá nhỏ bé so với tiềm năng kinh tế của Việt Nam và nhu cầu nhập khẩu của EU.

- Cơ cấu hàng XK của VN sang thị trường EU chưa hợp lý: VN xuất sang EU nông sản, thủy hải sản chủ yếu ở dạng nguyên liệu thô hoặc mới qua sơ chế và một số hàng công nghiệp nhẹ, hàng gia công.

- Hình thức XKHH của VN sang EU còn giản đơn: chủ yếu dưới hình thức xuất khẩu trực tiếp và qua trung gian, chưa gắn liền với các hình thức hợp tác kinh doanh khác, đặc biệt với đầu tư, liên doanh, liên kết và hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Chính vì vậy mà các DNVN chưa có chỗ đứng vững chắc trên thị trường này.

*** Giải pháp:**

Giải pháp vĩ mô:

- + Nâng cao vai trò của cơ quan quản lý:

- Dự báo và thông tin kịp thời cho các DN và người sản xuất trong nước biết thị trường cần gì trong năm nay và trong một vài năm tới.

- Đàm phán, ký kết các văn bản pháp lý với các nước thành viên EU.

- Giới thiệu cho các DN những nguồn thị trường hấp dẫn trong khối EU.

- Tổ chức DN tham gia hội chợ, triển lãm tại các nước thành viên EU.

- Tích cực tạo lập thông tin hai chiều

- Cần hoàn thiện hành lang pháp lý tạo thuận lợi tối đa cho XK. Rà soát lại văn bản để điều chỉnh các quy định không phù hợp với tinh thần Luật thương mại, Luật đầu tư và Luật doanh nghiệp mới.

- + Tăng cường hoạt động tài trợ xuất khẩu vào EU

- Thành lập thí điểm Quỹ xuất khẩu mậu dịch vào EU

- Sớm thành lập và phát triển Quỹ hỗ trợ tín dụng xuất khẩu và các loại quỹ tín dụng khác

- + Tăng lực đẩy cho xuất khẩu

- + Kêu gọi hỗ trợ tài chính từ các nước thành viên EU

- + Hợp tác với EU chống gian lận thương mại, giữ uy tín hàng hoá Việt Nam.

Giải pháp vi mô:

- + Các DNVN phải có chiến lược bài bản cho đầu tư và tìm hiểu đặc tính của thị trường EU đồng thời chọn được hướng đi đúng cho DN mình.

- + Các DN cần nghiên cứu lựa chọn phương thức thích hợp thâm nhập vào kênh phân phối trên thị trường EU. Trong thời gian tới, XK trực tiếp cần được xem là con đường chính thâm nhập vào thị trường EU. Bên cạnh đó có thể liên doanh dưới hình thức sử dụng giấy phép nhãn hiệu hàng hoá là biện pháp tối ưu để các nhà sản xuất VN thâm nhập vào thị trường EU.

- + Các DNVN không ngừng tìm hiểu và thực hiện tốt các quy định, tiêu chuẩn, các rào cản kỹ thuật của EU, đồng thời xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng đẩy mạnh công suất, chất lượng, mẫu mã sản phẩm,...

Câu 4. Những điểm cần lưu ý giải pháp thu hút FDI từ EU.

a. Giải pháp từ phía nhà nước

- Nhà nước tạo môi trường đầu tư hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư của EU: Đảm bảo sự ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội; Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp về đầu tư theo hướng đồng bộ và hấp dẫn; Cải cách thủ tục hành chính theo hướng gọn nhẹ, tránh rườm rà...

- Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, xây dựng lại kết cấu hạ tầng ngày hiện đại, đạt trình độ quốc tế. Chú trọng đến kết cấu hạ tầng xã hội như hệ thống giáo dục, y tế, bảo hiểm...

- Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư, xác định các ngành, lĩnh vực, địa bàn ưu tiên đầu tư và cung cấp thông tin đầy đủ giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn các dự án phù hợp
- Chính phủ cần ban hành các chính sách khuyến khích về thuế gồm thuế chuyển lợi nhuận về nước và thuế thu nhập cá nhân đối với các nhà đầu tư nước ngoài nhằm kích thích thu hút đầu tư.
- Chính phủ cần nâng cao các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho các nhà đầu tư, tạo sự an toàn khi họ đầu tư vào Việt Nam.
- Thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết của Việt nam với các tổ chức quốc tế và EU
- Thực hiện chống tham nhũng một cách hiệu quả...
- Cần tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn giải quyết các thủ tục đầu tư và quản lý dự án để đảm bảo đội ngũ cán bộ này vừa có đức lại vừa có tài, có thể giúp thu hút ngày càng nhiều hơn FDI

b. Giải pháp từ phía doanh nghiệp

- Các doanh nghiệp cần chủ động hơn nữa trong việc xúc tiến thu hút vốn FDI như: Xây dựng các trang Web riêng giới thiệu về công ty; Tham gia các hội chợ và diễn đàn doanh nghiệp quốc tế; Nắm bắt kịp thời các chủ trương và chính sách của nhà nước đối với các doanh nghiệp FDI..
- Các doanh nghiệp cần chủ động đầu tư máy móc, công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, tạo nên những sản phẩm có chất lượng tốt để nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp
- Lao động là một trong những nhân tố rất quan trọng quyết định đến sự phát triển của doanh nghiệp, chính vì vậy mà các doanh nghiệp cần chú trọng hơn nữa đến công tác đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để tăng thêm sức hút đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Câu 5: Nội dung CSTMQT của HK? Các DNVN cần lưu ý những gì khi XKHH sang HK?

5.1. Đặc điểm của CSTMQT của HK:

- Cs TMQT của Mỹ được xây dựng và thực hiện trên hệ thống luật pháp khá phức tạp của toàn liên bang và các quy định của các tổ chức quốc tế như WTO, WB, IMF.
- Thực thi bảo hộ đối với nền sx trong nước bằng các công cụ biện pháp mang tính tinh vi và phù hợp với quy định của WTO.
- Có tính chất bảo hộ lợi ích cho người tiêu dùng và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Thực hiện tự do hóa TM đối với hàng nông sản và dịch vụ
- Chú trọng phát triển TM điện tử.
- Xây dựng và thực hiện các biện pháp điều tiết TMQT theo 3 nhóm nước:
 - + AD các biện pháp mang tính ưu đãi đối với các nước được coi là đồng minh và các nước đã ký hiệp định tự do hóa TM với HK như NB, EU...
 - + AD các biện pháp hạn chế hoặc cấm vận đối với các nước theo chế độ cộng sản như TQ
 - + AD chính sách cấm vận đối với các nước được coi là kẻ thù đặc biệt như Bắc triều tiên, Cuba, Afganistan.

5.2. Các công cụ biện pháp thực hiện:

5.2.1. Các quy định về thủ tục hải quan:

a. Quy định về xuất xứ:

- *Cơ sở pháp lý:* được ghi trong Luật thuế quan năm 1930, 1984; Luật TM cạnh tranh năm 1988
- *Nội dung:*
 - + Quy định về cách ghi xuất xứ của HH: Đối với tất cả HH NK vào HK đều phải được ghi xuất xứ một cách cụ thể về tên HH, nước sx bằng tiếng Anh với hình thức dễ đọc và ở vị trí dễ thấy trên vỏ đựng HH.
 - + Đối với những HH đặc biệt như kim loại thì phải ghi theo 1 trong 2 cách: in hoặc dập chữ nổi; in kèm.
 - + HK kiểm soát rất chặt chẽ về quy định xuất xứ: như đối với dịch vụ y tế kỹ thuật thì thông tin về xuất xứ HH phải được ghi bằng cách dập chữ nổi vào bảng kim loại rồi buộc chặt vào vị trí dễ thấy trên sản phẩm.
- *Xử lý vi phạm xuất xứ:*

- + Đối với HH vi phạm đều bị AD mức thuế quan 10%
- + Đối với HH vi phạm xuất xứ mà chưa được thông quan sẽ được giữ lại tại kho ngoại quan của HK để chờ các nhà NK thu xếp việc tái XK hoặc cơ quan Hải quan của HK giám sát việc tiêu hủy hoặc đóng gói lại theo đúng quy định.
- + Đối với HH vi phạm quy định xuất xứ đã thông quan sẽ phải được thu hồi về kho ngoại quan của HK dưới sự giám sát của cơ quan hải quan để chờ tái xuất hoặc tiêu hủy hoặc đóng gói lại.
- + Đối với HH vào HK được coi là cố ý dẫn đến vi phạm quy định xuất xứ sẽ bị xử lý mức phạt vi phạm đến 100000\$ lần đầu tiên và 250000\$ cho những lần tiếp theo.

b. Thuế quan:

- *Cơ sở pháp lý:* được quy định trong Luật thuế quan, Luật hải quan, Luật chống bán phá giá và Luật thuế đối kháng.
- *Hình thức biểu thuế quan* của HK được trình bày theo 2 cột:
 - + Cột 1: cột thuế quan tối huệ quốc (MFN) chia 2 phần:
 - Phần 1: dành cho các nước đơn thuần được hưởng chế độ quan hệ TM bình thường với HK (có VN)
 - Phần 2: dành cho các nước có quan hệ bình thường với HK có kèm theo các điều kiện ưu đãi. VD: Hiệp định TM song phương, Hiệp định tự do, các nước đang phát triển được hưởng GSP.
 - + Cột 2: là cột thuế quan không tối huệ quốc được AD đối với HH NK từ các nước chưa được hưởng chế độ quan hệ TM bình thường, những nước không phải là đồng minh, những nước được coi là đối đầu với HK.

c. Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập GSP:

thường được AD mức thuế ưu đãi thấp hơn so với mức thuế thông thường đối với HHNK từ các nước đang phát triển được HK dành cho GSP.

- *Điều kiện đối với HH được hưởng GSP:*
 - + HH phải đáp ứng các tiêu chuẩn của HK.
 - + Tỷ trọng về chi phí về nguyên liệu và các CPSX khác có nguồn gốc nội địa của nước được hưởng GSP phải $\geq 35\%$ tổng CP của HH khi NK vào lãnh thổ hải quan của HK.
 - + HH phải được vận chuyển thẳng từ nước được hưởng GSP đến lãnh thổ hải quan của HK và không được xử lý dọc đường.
- *Quy định về các nước không được hưởng GSP:*
 - + Các nước bị lực lượng cộng sản không chế.
 - + Các nước tiếp tay hoặc nuôi dưỡng lực lượng khủng bố.
 - + Các nước không dành cho người lao động quyền lợi và điều kiện làm việc theo quy định của các tổ chức quốc tế (SA8000).
 - + Các nước thuộc tổ chức XK dầu mỏ OPEC không cung ứng HH hoặc nâng giá HH đến mức bất hợp lý làm gián đoạn hoạt động của nền KTQD gây thiệt hại nghiêm trọng cho các quốc gia có liên quan.
 - + Các nước có liên quan không chịu thực thi phán quyết của trọng tài quốc tế trong các vụ kiện mà bên HK là bên thắng kiện.

Hàng năm các cơ quan TM của Mỹ tiến hành đánh giá điều kiện áp dụng GSP đối với các nước kém phát triển, nếu nước được hưởng được đánh giá là có đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường thì sẽ không tiếp tục được hưởng GSP nữa. Nước Mỹ có thể đơn phương hủy bỏ chế độ GSP với 1 nước cụ thể tùy theo điều kiện sản xuất trong nước.

5.2.2. Các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật:

a. Quy định về chất lượng và bảo vệ người tiêu dùng:

- *Cơ quan kiểm soát:* ủy ban an toàn sản phẩm tiêu dùng (CPSC).
- *Cơ sở pháp lý:*
 - + Luật an toàn sản phẩm tiêu dùng: quy định các nhà sx sản phẩm tiêu dùng cung cấp cho thị trường HK phải đảm bảo việc sử dụng nguyên liệu đầu vào thực hiện quy trình sx theo đúng các tiêu chuẩn về sự an

toàn đối với con người, đồng thời việc bảo quản vận chuyển và phân phối sản phẩm phải thực hiện theo đúng quy định nhằm không gây ảnh hưởng đến chất lượng và sự an toàn của sản phẩm.

+ Luật về các chất nguy hiểm: quy định các chất nguy hiểm gồm các chất gây ngộ độc, chất dễ nổ, dễ cháy, chất phóng xạ, chất gây nghiện.

Quy định đối với quá trình sx vận chuyển và phân phối sản phẩm bao gồm: quy định về nguyên liệu đầu vào, quá trình tổ chức sx, đóng gói ghi nhãn, quá trình vận chuyển bảo quản giúp cho người tiêu dùng và cơ quan chức năng có thể hiểu rõ về sản phẩm và phòng tránh được việc gây hại cho người sử dụng.

Theo quy định của Luật này, CPSC của HK có thể kiểm tra bất thường với cơ sở sx và cơ sở phân phối sản phẩm về việc thực hiện các quy định.

+ Luật về đóng gói phòng ngộ độc: Luật này quy định về việc thực hiện quy trình đóng gói với các sản phẩm như dược phẩm, mỹ phẩm, 1 số loại sản phẩm đặc biệt cần phải thực hiện theo đúng quy trình và sử dụng các loại chất liệu bao bì đúng tiêu chuẩn quy định nhằm phòng tránh việc gây ngộ độc từ sản phẩm đối với người tiêu dùng.

+ Luật chống khủng bố sinh học: Quy định về việc đóng gói và chất lượng các sản phẩm nông nghiệp và các loại giống cây trồng vật nuôi sx nông nghiệp phải đảm bảo không chứa các loại mầm bệnh, các loại côn trùng gây hại có nguy cơ phát triển thành đại dịch gây thiệt hại về sức khỏe, môi trường, điều kiện sx.

+ Luật bảo vệ người tiêu dùng: quy định về trách nhiệm tuyệt đối đối với các cơ sở sx và phân phối sản phẩm vào thị trường HK thực hiện các quy định để đảm bảo sự an toàn trong quá trình sx và sử dụng đối với người tiêu dùng nếu có thiệt hại xảy ra theo sự khiếu nại của người tiêu dùng, các cơ sở sx và phân phối phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc bồi thường và các nghĩa vụ pháp lý có liên quan theo quy định của Luật.

- *Xử lý vi phạm*:

+ Yêu cầu bồi thường về thiệt hại và thực hiện nghĩa vụ pháp lý theo quy định của các luật điều chỉnh.

+ Yêu cầu tái xuất hoặc tiêu hủy

+ Cấm NK

b. Tiêu chuẩn về vệ sinh dịch tễ:

- *Cơ quan kiểm soát*: Bộ nông nghiệp HK, Bộ năng lượng, Bộ y tế, ủy ban nông nghiệp quốc gia.

- *Cơ sở pháp lý*: Luật nông nghiệp HK, Luật về thực phẩm mỹ phẩm dược phẩm của HK, Luật về rượu bia thuốc lá vũ khí.

Quy định của các Luật này về tiêu chuẩn, khối lượng sản phẩm của nhà cung cấp nhằm đảm bảo sự an toàn cho con người và xã hội.

- *Xử lý vi phạm*: Thu hồi tiêu hủy yêu cầu tái xuất, cấm NK.

c. Quy định về môi trường:

- Mục tiêu:

+ Nhằm bảo vệ các loài động vật, các loài cá có nguy cơ bị tuyệt chủng.

+ Nhằm bảo vệ môi trường sinh thái nhằm đạt mục tiêu phát triển chung của toàn cầu.

- *Cơ sở pháp lý*: Luật nông nghiệp HK, Luật các hiệp định TM, Luật cấm đánh bắt các loài động vật biển có vú và cấm sử dụng các loại lưới quét ở vùng biển ven bờ.

- *Xử lý*: cấm NK

=> Ngoài những quy định trên, HHNK vào HK còn chịu sự kiểm soát bởi các tiêu chuẩn như SA8000; ISO14000; ISO9000.

5.2.3. Các biện pháp khác:

a. Hạn ngạch: 2 loại

- *Hạn ngạch tuyệt đối*: được AD đối với những mặt hàng NK cần được kiểm soát chặt chẽ nhằm bảo hộ ở mức độ cao hơn cho các hàng sx nội địa.

Quy định phần hàng hóa vượt quá mức hạn ngạch sẽ không được phép đưa vào lãnh thổ hải quan Mỹ và bên XK phải thuê kho hải quan chờ hạn ngạch năm sau hoặc tái XK.

- **Hạn ngạch thuế quan:** AD đối với những HH NK không cần kiểm soát ở mức độ cao và chặt chẽ như hạn ngạch tuyệt đối.

Theo quy định phần HH vượt quá mức hạn ngạch cho phép vẫn có thể được NK vào lãnh thổ hải quan HK nhưng phải chịu mức thuế quan NK cao gấp nhiều lần so với mức thuế quan NK bình thường.

b. Chính sách chống bán phá giá:

- **Căn cứ thực hiện:**

+ Do các nhà sx nội địa của HK bị thiệt hại về thị phần, lợi nhuận hoặc công suất sx do sự cạnh tranh tăng đột biến của hàng NK do đó họ phát đơn kiện về hiện tượng hàng NK bán phá giá.

+ Dựa trên thông tin điều tra sơ bộ với kết luận là giá bán của hàng NK ở thị trường HK thấp hơn mức giá bán ở thị trường nội địa nước XK hoặc mức giá bán ở các thị trường tiêu thụ khác của nước XK.

+ Số lượng các nhà sx nội địa của HK tham gia vào đơn kiện phải chiếm tỷ lệ từ 1/3 đến 2/3 trong tổng số các nhà sx cùng ngành.

- **Quy trình thực hiện:**

+ Bộ TMHK tiến hành thành lập cơ quan chức năng phối hợp cùng UBTMQT và UB trọng tài quốc tế của WTO cùng tiến hành điều tra về hiện tượng bán phá giá của hàng NK.

+ Các cơ quan và tổ chức trên sẽ tiến hành điều tra về hiện tượng bán phá giá tại nước XK hoặc nước tham chiếu.

+ Sau khi tiến hành điều tra trong vòng khoảng 10 tháng các tổ chức và cơ quan chức năng sẽ đưa ra kết luận cuối cùng về hiện tượng bán phá giá của hàng NK.

- **Các biện pháp trừng phạt:** đánh thuế cao, AD hạn ngạch NK, yêu cầu kỹ quỹ NK, cấm NK.

c. Hạn chế XK tự nguyện: thường được AD trong quan hệ TM giữa HK với các đối tác lớn như NB, EU, TQ, HQ, đối với 1 số nhóm hàng như nông sản, xe ô tô con,...

d. Biện pháp tự vệ trong TM: AD 1 cách đơn phương trong những trường hợp đặc biệt cần thiết nhằm đảm bảo cho sự tồn tại của các ngành sx nội địa trong điều kiện khủng hoảng, suy thoái hoặc sự thay đổi đột biến về năng lực cạnh tranh của hàng NK.

=> Ngoài những biện pháp trên còn AD 1 số biện pháp quản lý NK như: lệnh cấm vận quy định các nhóm nước đối tác bị hạn chế trong quan hệ TM với HK; kiểm soát XK ngoài lãnh thổ (kiểm soát các công ty của HK trong việc XK).

Các doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý những vấn đề sau khi xuất khẩu hàng hóa sang thị trường

Hoa Kỳ

Hoa Kỳ là nước quy định rất chặt chẽ về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa. Do đó, khi các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng sang Hoa Kỳ cần chú ý ghi tên hàng hóa và nước xuất xứ theo đúng quy định.

Các doanh nghiệp chú ý xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo đúng số lượng theo hạn ngạch để tránh bị đánh thuế cao hơn, chờ hạn ngạch năm sau hoặc phải tái xuất

Các doanh nghiệp cần chú ý các quy định kỹ thuật bắt buộc đối với hàng hóa nhập khẩu vào Mỹ như quy định an toàn và đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng thì các doanh nghiệp phải theo tiêu chuẩn của hệ thống HACCP, quy định về bảo vệ môi trường dựa theo tiêu chuẩn ISO 19000 và chú ý việc sử dụng lao động theo đúng tiêu chuẩn quốc tế.

Ngoài ra, các doanh nghiệp nên đáp ứng tiêu chuẩn ISO9000. Đáp ứng tiêu chuẩn này các doanh nghiệp sẽ có nhiều lợi thế cạnh tranh hơn khi xuất khẩu hàng sang Hoa Kỳ.

Câu 6: Mục tiêu và những công cụ biện pháp chủ yếu của CSĐTQT của HK.

6.1. Chính sách thu hút FDI của HK:

a. Lợi thế của HK trong thu hút FDI:

- Khả năng tích lũy vốn lớn

- Đảm bảo tính khả thi về vốn đầu tư

- Trình độ quản lý, trình độ nguồn nhân lực cao

- Cơ sở hạ tầng phát triển, công nghệ hiện đại tương xứng với nguồn vốn đầu tư
- Môi trường luật pháp, chính sách có tính đồng bộ với thông lệ quốc tế.

b. Mục tiêu của CS:

- Tăng cường thu hút vốn đầu tư từ các nước trên thế giới để mở rộng quy mô sxkd
- Đẩy mạnh động hóa nền kinh tế
- Đẩy tiếp thu trình độ công nghệ hiện đại của các nước trên thế giới đặc biệt là các ngành KH ít có tiềm năng phát triển.

c. Các hình thức thu hút FDI tại HK:

- Cấp giấy phép sử dụng bản quyền: Chủ đầu tư cấp giấy phép cho các công ty của HK sử dụng bản quyền công nghệ bí quyết sx, thương hiệu theo giá trị và thời gian thảo thuận giữa 2 bên trong hợp đồng.
- Công ty liên doanh: chủ đầu tư nước ngoài và bên tiếp nhận cùng nhau góp vốn thành lập công ty với tư cách pháp nhân và quyền lợi nghĩa vụ được xác định trên cơ sở góp vốn.
- Chi nhánh sở hữu hoàn toàn: là hình thức đầu tư với sự thành lập 1 chi nhánh hoạt động tại HK của công ty đa quốc gia và xuyên quốc gia trong đó phần vốn đầu tư của chủ đầu tư nước ngoài chiếm từ 95% trở lên.
- Đại lý đặc quyền: là hình thức đầu tư trong đó các công ty của HK cho phép nhà đầu tư nước ngoài có đặc quyền sử dụng bản quyền công nghệ bí quyết sx, thương hiệu và khai thác thị phần nguồn cung ứng các yếu tố đầu vào trong 1 thời gian nhất định.
- Đầu tư vào thị trường chứng khoán HK: với tỷ lệ vốn đầu tư đạt từ 15 – 25%.

d. Các ngành nghề, lĩnh vực có lợi thế thu hút FDI ở HK: ngành công nghiệp lắp ráp, công nghiệp chế biến, tư vấn kinh doanh, ngân hàng tài chính.

6.2. Chính sách đầu tư ra nước ngoài của HK:

a. Mục tiêu:

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, công nghệ, tăng khả năng thu lợi nhuận của dự án đầu tư.
- Mở rộng thị phần tiêu thụ sản phẩm, tránh hàng rào bảo hộ của nước tiếp nhận
- Khai thác các yếu tố đầu vào sx giá rẻ ở nước ngoài
- Tận dụng ưu đãi, chính sách của nước tiếp nhận để nâng cao năng lực cạnh tranh

b. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư ra nước ngoài:

Các biện pháp này chủ yếu được thực hiện bởi tổ chức đầu tư tư nhân hải ngoại của HK gọi tắt là OPIC.

- *Hỗ trợ về vốn* được thực hiện thông qua 2 hình thức:

+ Chính sách tín dụng nhằm hỗ trợ các công ty vừa và nhỏ đầu tư ra nước ngoài và các dự án đầu tư vào thị trường mới.

+ Thông qua việc mua cổ phần của các dự án đầu tư nước ngoài dưới hình thức công ty cổ phần trước hết với dự án khó khăn về vốn trong đó vốn đầu tư của nhà nước HK chiếm tỷ lệ từ 70% trở lên.

- *Hỗ trợ bảo hiểm đầu tư*: tổ chức OPIC thực hiện việc hỗ trợ bảo hiểm đầu tư cho các dự án đầu tư ra nước ngoài với các loại rủi ro như sau:

+ Rủi ro hối đoái: gặp phải khi đồng tiền nước nhận đầu tư tăng giá gây thiệt hại cho các nhà đầu tư HK, mức độ đầu tư có thể lên đến 80% giá trị thiệt hại.

+ Rủi ro tước đoạt: xảy ra khi tài sản của nhà đầu tư HK bị xung công hoặc quốc hữu hóa ở nước tiếp nhận.

+ Rủi ro chính trị: gặp phải khi nước tiếp nhận đầu tư xảy ra nội chiến, đảo chính. Mức độ bồi thường có thể lên đến 90% toàn bộ giá trị thiệt hại.

- *Hỗ trợ về thông tin và tạo môi trường đầu tư thuận lợi*:

+ Hỗ trợ về thông tin: thường đầu tư ở nước ngoài thông qua hoạt động khảo sát và cung cấp thông tin của OPIC cùng các tổ chức xúc tiến TM và đầu tư khác với khoảng trên 160 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới cho các công ty Hk trong đó có thị trường VN.

+ Tạo môi trường đầu tư thuận lợi: thông qua ký kết các hiệp định song phương và đa phương với chính phủ các nước tiếp nhận đầu tư và tổ chức quốc tế như: ký hiệp định tránh đánh thuế và làm với hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ; hỗ trợ cho WB thành lập tổ chức bảo đảm đầu tư đa phương (MIGA) chủ yếu hỗ trợ việc tiếp nhận vốn đầu tư ở các nước đang phát triển.

Câu 7: Những thành công hạn chế của VN khi xk hàng hóa sang thị trường Hoa Kỳ và giải pháp khắc phục.

Trả lời

1. Thành công

Một là, kể từ khi ký hiệp định TM song phương giữa vn-hoa ký, xk của vn vào thị trường này đều tăng trưởng trên 20%/năm, năm 2008 đạt 12,5 tỷ USD, 2009 đạt 11,4 tỷ USD, hiện nay chiếm khoảng 20% tổng kim ngạch xk.

Hai là, cơ cấu hàng xuất khẩu có sự thay đổi so với trước: các mặt hàng chế biến có kim ngạch xuất khẩu ngày càng tăng đặc biệt với mặt hàng thủy sản.

Ba là, các hàng xuất khẩu của Việt Nam sang hoa Kỳ ngày càng nhiều chủng loại, số lượng ngày càng gia tăng. Trước đây Việt Nam chỉ xk các mặt hàng như than đá, dầu thô, gạo, thủy hải sản, hàng dệt may... thì những năm gần đây đã có nhiều hàng hóa tham gia xuất khẩu như: đồ gỗ, cơ khí chế tạo, các loại thực phẩm chế biến, phần mềm máy tính.

Bốn là, ngày càng có nhiều các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia hoạt động xk, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có tỷ lệ xk cao nhất.

2. Hạn chế

Một là, Xk của vn sang HK vẫn phải đối phó với nhiều rào cản bảo hộ như chống bán phá giá, quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ, hạn ngạch ...

Hai là, quy mô xuất khẩu còn nhỏ bé, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu nhập khẩu.

Khả năng cạnh tranh hàng xuất khẩu của Việt Nam còn rất yếu.

Nhìn chung hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam còn manh mún, vụn vặt, nhiều sp chế biến còn mang tính gia công (mây tre đan, đồ gỗ), đa phần xk sản phẩm sơ chế (gạo, chè, cà phê), các hàng hóa xuất khẩu chủ lực còn quá ít, chủ yếu xk hàng thô dẫn đến tăng trưởng xk không bền vững.

Ba là, trong khi kim ngạch xk còn nhỏ bé lại có quá nhiều doanh nghiệp xk dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp trên thị trường trong và ngoài nước.

Bốn là, nhiều mặt hàng phụ thuộc vào nguyên phụ liệu nk từ nước ngoài (phân bón, gỗ, nguyên liệu, nhựa...) nên không thể chủ động trong sản xuất và xk.

3. Giải pháp

Vĩ mô:

Một là, các dn vn khi xk H sang HK cần chú ý ghi tên hàng hóa và nước xuất xứ theo đúng quy định, cần chú ý xk theo đúng số lượng theo hạn ngạch để tránh bị đánh thuế cao hơn, chờ hạn ngạch năm sau hoặc phải tái xuất.

Hai là, các doanh nghiệp cần chú ý các quy định kỹ thuật bắt buộc đối với H nk vào HK như HACCP, SA8000, ISO 9000...

Ba là, các doanh nghiệp cần đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đổi mới công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao, tăng cường công tác thông tin.

Bốn là, dn cần tận dụng cơ hội từ việc ký kết hiệp định VN – HK cũng như việc VN gia nhập WTO để điều chỉnh sản xuất theo hướng xk và cạnh tranh trên trường quốc tế đồng thời cần có chiến lược về sản phẩm, khai thác có hiệu quả các lợi thế so sánh của quốc gia.

Vĩ mô:

Một là, xây dựng chiến lược xk sang HK hướng vào những ngành công nghệ cao.

Hai là, đẩy mạnh xúc tiến TM ở tầm chính phủ, nâng cao hiệu quả hđ của tổ chức xúc tiến ở HK để định hướng chiến lược lâu dài cho cá doanh nghiệp.

Ba là, hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu về vốn, đào tạo nguồn nhân lực và thường xuyên cung cấp thông tin về mọi diễn biến của thị trường HK giúp các doanh nghiệp dễ dàng ứng phó.

Bốn là, chính phủ VN tăng cường công tác ngoại giao, kí kết các hiệp định song phương đa phương, các hiệp định TM với Hoa kỳ nhằm tận dụng cơ hội ưu đãi từ thị trường NK tiềm năng này.

Câu 8: Mô hình và những nội dung đổi mới cơ bản trong CSTMQT và CSĐTQT của VN từ 1986 đến nay.

8.1. CSTMQT của VN:

a. Mô hình chính sách: thúc đẩy XK, bảo hộ có chọn lọc và hội nhập kinh tế quốc tế

b. Nội dung đổi mới:

- *Chính sách mặt hàng:* xây dựng và nâng cao chất lượng cơ cấu HH XNK phù hợp với lợi thế của quốc gia.
- + Cơ cấu HH XK: XK HH có lợi thế về điều kiện tự nhiên và lao động.
- + Cơ cấu HH NK: NK HH phù hợp với trình độ phát triển sx trong nước.
- *Chính sách thị trường:* xây dựng được thị trường trọng điểm và khai thác tốt hơn các thị trường tiềm năng.
- *Các biện pháp hỗ trợ và quản lý:*
- + 1988: ban hành Luật thuế XNK.
- + 1989: - Xóa bỏ hạn ngạch XK và hạn ngạch NK đối với hầu hết HH (trừ 10 mặt hàng XK và 14 mặt hàng NK).
 - Xóa bỏ trợ cấp XK bằng ngân sách nhà nước.
 - Tiến hành phá giá đồng VND, xóa bỏ chế độ hai tỷ giá, hình thành hệ thống tỷ giá thống nhất dựa trên tỷ giá chính thức do ngân hàng nhà nước công bố.
- + 1991: - Mở cửa sàן giao dịch ngoại hối tại HN và thành phố HCM
 - Ban hành Quyết định về thành lập khu chế xuất
 - Miễn thuế đầu vào đối với sx hàng XK
- + 1995: - VN gia nhập Asean, tham gia AFTA năm 1996
 - Ký hiệp định khung với EU
- + 1997: Ban hành và đưa vào thực hiện Luật TM.
- + 1998: VN được kết nạp là thành viên thứ 21 của APEC.
- + 2001: Ký hiệp định TM VN – HKì, có hiệu lực năm 2002.
- + 2007: VN gia nhập WTO
- + 2009: Quốc hội thông qua và cho phép ban hành nhiều đạo luật, hoàn thiện hệ thống luật pháp cho quá trình đổi mới, hội nhập KTQT:
 - Luật TM sửa đổi, bổ sung
 - Luật thuế XNK sửa đổi, bổ sung
 - Luật cạnh tranh và chống độc quyền

8.2. CSĐTQT của VN:

a. Mô hình chính sách: Tăng cường thu hút và sử dụng có hiệu quả FDI

b. Nội dung đổi mới:

- Xây dựng và từng bước hoàn thiện quy hoạch thu hút ĐTNN theo ngành và theo vùng
- Hoàn thiện hành lang pháp lý trong thu hút FDI:
- + 1987: ban hành Luật ĐTNN tại VN
- + 1990: sửa đổi, bổ sung Luật ĐTNN tại VN (lần 1)
- + 1992: sửa đổi, bổ sung Luật ĐTNN tại VN (lần 2)

- +1996: ban hành Luật ĐTNN (mới) tại VN
- + 2000: sửa đổi, bổ sung Luật ĐTNN tại VN
- + 2006: ban hành Luật đầu tư ở VN
- Tăng cường đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng
- Hoàn thiện sử dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư:
- + các chương trình xúc tiến đầu tư
- + ưu đãi về thuế
 - Đào tạo và nâng cao trình độ nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của nhà ĐTNN.

Câu 9. Những đặc điểm cơ bản thu hút và sử dụng vốn FDI tại Việt Nam.

a. Ưu điểm

- Số lượng các dự án FDI đi vào triển khai thực hiện ngày càng nhiều, vốn thực hiện cơ bản đều tăng qua các năm
- Tỷ lệ giải ngân vốn điều kiện mới luôn duy trì ở mức cao từ giai đoạn 1997 đến nay
- Vốn đăng ký bổ sung của các dự án FDI đang thực hiện liên tục tăng suốt giai đoạn từ 2000 đến nay và luôn chiếm tỷ lệ cao so với vốn đăng ký mới
- Các dự án đầu tư theo hai hình thức BBC (hợp đồng hợp tác kinh doanh) và BOT (xây dựng thực hiện và chuyển giao) có tỷ lệ giải ngân cao hơn mức trung bình của cả nước đặc biệt các dự án FDI theo hình thức BBC có vốn thực hiện cao hơn cả số lượng đăng ký

b. Nhược điểm

- Kết quả thu hút FDI vẫn còn chưa tương xứng với nhu cầu huy động vốn đáp ứng cho tăng trưởng kinh tế, chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước
- Tỷ trọng vốn FDI trên tổng vốn đầu tư xã hội có xu hướng giảm do mức độ tăng trưởng thấp hơn mức tăng vốn đầu tư trong nước
- Vốn đăng ký không ổn định qua các năm và có xu hướng giảm
- Vốn FDI phân bổ chưa hợp lý giữa các ngành và khu vực đầu tư, tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp xây dựng
- Chưa tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, chủ yếu chuyển giao nội bộ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
- Sự liên kết giữa khu vực FDI và nền kinh tế trong nước còn nhiều hạn chế, sự liên kết giữa khu vực kinh tế nước ngoài và kinh tế trong nước còn thiếu đồng bộ
- Một số dự án kém hiệu quả và đi đến phá sản

Câu 10: Hiện nay cần có những biện pháp gì để thực hiện có hiệu quả chính sách kinh tế đối ngoại của Việt Nam?

Trả lời:

Trong tiến trình hội nhập hiện nay, Việt Nam đặt ưu tiên cao cho việc thực hiện chính sách kinh tế đối ngoại nhằm mở rộng và đa dạng hoá thị trường, tranh thủ vốn, kinh nghiệm quản lý và khoa học công nghệ tiên tiến cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Để thực hiện tốt mục tiêu đề ra, chính phủ đã đề ra một số giải pháp chủ yếu sau đây:

- Chính phủ cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện hệ thống chính sách, lành mạnh hóa môi trường kinh doanh, chống tham nhũng, quan liêu, phải quyết liệt trong việc sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh gọn nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, khắc phục sự chồng chéo, kém hiệu quả trên tinh thần chuyển mạnh từ thiên hướng “quản lý” sang nhiệm vụ “phục vụ” người dân và doanh nghiệp là chính.
- Chú trọng vai trò của các đối tác bên ngoài, đặc biệt là các thiết chế quốc tế và các doanh nghiệp nước ngoài nhằm cải cách và đổi mới chính sách, thể chế và luật lệ trong nước sao cho phù hợp với luật lệ và

quy định quốc tế, giảm thiểu chi phí giao dịch và tạo sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, trong đó nhà nước chỉ giữ vai trò quản lý, định hướng và hỗ trợ cho sự phát triển của nền kinh tế.

- Xây dựng và nâng cấp cơ sở hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, tích cực đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, xây dựng các cơ sở kiểm soát chặt chẽ các khâu sản xuất nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn hàng xuất khẩu trên các thị trường.

- Xây dựng và hoàn thiện các dịch vụ hỗ trợ phát triển lĩnh vực kinh tế đối ngoại như dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn việc làm, tư vấn sản xuất và tiêu thụ, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư nhằm cung cấp thông tin nhanh và chính xác từ các thị trường tiềm năng.

- Cùng với các giải pháp nêu trên, Việt Nam cũng cần cải cách các chính sách kinh tế cho phù hợp với yêu cầu đổi mới và xu thế phát triển của khu vực và thế giới, cải cách và phát triển hệ thống ngân hàng – tài chính hiện đại hơn nhằm tạo điều kiện về vốn cũng như những giao dịch cho các nhà kinh doanh, cải tổ hệ thống doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và hoạt động của chúng.

MỤC LỤC

| | |
|---|-------------------------------------|
| Giới thiệu chung về Liên minh châu Âu: | Error! Bookmark not defined. |
| 1. Quá trình hình thành và phát triển: | Error! Bookmark not defined. |
| 2. Tiêu chuẩn đối với các quốc gia khi gia nhập EU:..... | Error! Bookmark not defined. |
| CÂU 1: NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHÍNH SÁCH TMQT CỦA EU? NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý ĐỐI VỚI DNVN KHI XK HÀNG HÓA SANG EU. | Error! Bookmark not defined. |
| 1.1. Các nguyên tắc chi phối CSTMQT. | Error! Bookmark not defined. |
| 1.2. Đặc trưng của chính sách: | Error! Bookmark not defined. |
| 1.3. Các công cụ, biện pháp chủ yếu: | Error! Bookmark not defined. |
| 1.3.1. Các quy định về thủ tục hải quan | Error! Bookmark not defined. |
| 1.3.2. Rào cản kỹ thuật trong TM:..... | Error! Bookmark not defined. |
| 1.3.3. Hạn ngạch: | Error! Bookmark not defined. |
| 1.3.4. Chính sách chống bán phá giá: | Error! Bookmark not defined. |
| 1.3.5. Chính sách trợ cấp đối với XK: | Error! Bookmark not defined. |
| CÂU 2: NGUYÊN TẮC VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CS ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA EU..... | Error! Bookmark not defined. |
| 2.1. Các nguyên tắc: | Error! Bookmark not defined. |
| 2.2. Nội dung chủ yếu: | Error! Bookmark not defined. |
| 2.2.1. Cung cấp thông tin và hỗ trợ kỹ thuật: | Error! Bookmark not defined. |
| 2.2.2. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ:..... | Error! Bookmark not defined. |
| 2.2.3. Hỗ trợ về tài chính: | Error! Bookmark not defined. |
| CÂU 3: NHỮNG THÀNH CÔNG VÀ HẠN CHẾ CỦA VIỆT NAM KHI XUẤT KHẨU HÀNG HÓA SANG EU VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC..... | Error! Bookmark not defined. |
| * Thành công: | Error! Bookmark not defined. |
| * Hạn chế: | Error! Bookmark not defined. |
| * Giải pháp: | Error! Bookmark not defined. |
| Giải pháp vĩ mô: | Error! Bookmark not defined. |
| Giải pháp vi mô: | Error! Bookmark not defined. |
| CÂU 4. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý GIẢI PHÁP THU HÚT FDI TỪ EU..... | Error! Bookmark not defined. |
| a. Giải pháp từ phía nhà nước | Error! Bookmark not defined. |
| b. Giải pháp từ phía doanh nghiệp..... | Error! Bookmark not defined. |
| CÂU 5: NỘI DUNG CSTMQT CỦA HKÌ? CÁC DNVN CẦN LƯU Ý NHỮNG GÌ KHI XKHH SANG HKÌ? | Error! Bookmark not defined. |

| | |
|--|------------------------------|
| 5.1. Đặc điểm của CSTMQT của HK:..... | Error! Bookmark not defined. |
| 5.2. Các công cụ biện pháp thực hiện:..... | Error! Bookmark not defined. |
| 5.2.1. Các quy định về thủ tục hải quan: | Error! Bookmark not defined. |
| 5.2.2. Các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật: | Error! Bookmark not defined. |
| 5.2.3. Các biện pháp khác:..... | Error! Bookmark not defined. |
| 5.3 CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM CẦN LƯU Ý NHỮNG VẤN ĐỀ SAU KHI XUẤT KHẨU HÀNG HÓA SANG THỊ TRƯỜNG HOA KỲ..... | Error! Bookmark not defined. |
| CÂU 6: MỤC TIÊU VÀ NHỮNG CÔNG CỤ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU CỦA CSĐTQT CỦA HK..... | Error! Bookmark not defined. |
| Bookmark not defined. | |
| 6.1. Chính sách thu hút FDI của HK: | Error! Bookmark not defined. |
| a. Lợi thế của HK trong thu hút FDI: | Error! Bookmark not defined. |
| b. Mục tiêu của CS: | Error! Bookmark not defined. |
| c. Các hình thức thu hút FDI tại HK: | Error! Bookmark not defined. |
| d. Các ngành nghề, lĩnh vực có lợi thế thu hút FDI ở HK: ngành công nghiệp lắp ráp, công nghiệp chế biến, tư vấn kinh doanh, ngân hàng tài chính. | Error! Bookmark not defined. |
| 6.2. Chính sách đầu tư ra nước ngoài của HK: | Error! Bookmark not defined. |
| a. Mục tiêu: | Error! Bookmark not defined. |
| b. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư ra nước ngoài: | Error! Bookmark not defined. |
| CÂU 7: NHỮNG THÀNH CÔNG HẠN CHẾ CỦA VN KHI XK HÀNG HÓA SANG THỊ TRƯỜNG HOA KỲ VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC..... | Error! Bookmark not defined. |
| 1. Thành công | Error! Bookmark not defined. |
| 2. Hạn chế | Error! Bookmark not defined. |
| 3. Giải pháp | Error! Bookmark not defined. |
| CÂU 8: MÔ HÌNH VÀ NHỮNG NỘI DUNG ĐỔI MỚI CƠ BẢN TRONG CSTMQT VÀ CSĐTQT CỦA VN TỪ 1986 ĐẾN NAY. | Error! Bookmark not defined. |
| 8.1. CSTMQT của VN: | Error! Bookmark not defined. |
| a. Mô hình chính sách: thúc đẩy XK, bảo hộ có chọn lọc và hội nhập kinh tế quốc tế | Error! Bookmark not defined. |
| b. Nội dung đổi mới:..... | Error! Bookmark not defined. |
| 8.2. CSĐTQT của VN: | Error! Bookmark not defined. |
| a. Mô hình chính sách: Tăng cường thu hút và sử dụng có hiệu quả FDI | Error! Bookmark not defined. |
| b. Nội dung đổi mới:..... | Error! Bookmark not defined. |
| CÂU 9. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN THU HÚT VÀ SỬ DỤNG VỐN FDI TẠI VIỆT NAM. | Error! Bookmark not defined. |
| Bookmark not defined. | |
| Ưu điểm | Error! Bookmark not defined. |
| Nhược điểm | Error! Bookmark not defined. |
| Câu 10: Hiện nay cần có những biện pháp gì để thực hiện có hiệu quả chính sách kinh tế đối ngoại của Việt Nam? | Error! Bookmark not defined. |